

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 433/2022/HC-PT

Ngày: 23/9/2022

*V/v Khiếu kiện quyết định phê duyệt  
phương án bồi thường, hỗ trợ và tái  
định cư*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Tuyên;

*Các Thẩm phán:*

Ông Hồ Đình Trung;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội:** Ông Phạm Quốc Huy, Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 59/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc “*Khiếu kiện quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 61/2020/HC-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8795/2022/QĐ-PT ngày 12 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Vũ Như B và bà Vũ Thị Chung A; cùng địa chỉ: Tổ C, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Vũ Bá Q; địa chỉ: Tổ C, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Q. Vắng mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:** Luật sư Nguyễn Thị Bích P - Luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Vắng mặt, gửi bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho đương sự.

**2. Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số C, phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Nguyễn Hữu N - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (Theo Quyết định ủy quyền số 10105/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H). Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:* Ông Trần Quốc H - Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Số C, phố B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu N - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (Theo Quyết định ủy quyền số 10105/QĐ-UBND ngày 18/9/2020 của Chủ tịch UBND thành phố H). Vắng mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Ông Trần Quốc H - Giám đốc trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Địa chỉ: Phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Kiều Xuân H1 - Chức vụ: Công chức địa chính - xây dựng - đô thị - môi trường (Theo Giấy ủy quyền số 04/GUQ-UBND ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND phường H). Vắng mặt.

3. Công ty cổ phần T.

Địa chỉ: Phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Quang Q1 - Phó giám đốc (Theo Giấy ủy quyền số 1688/UQ-VHTC ngày 17/12/2018 của Giám đốc Công ty). Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị H2; địa chỉ: Tổ F, khu D phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 05/6/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/6/2018 và tại bản tự khai, biên bản đối thoại, tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện trình bày có nội dung sau:*

Ông Vũ Như B và bà Vũ Thị Chung A quản lý, sử dụng diện tích đất 443,2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 6 tờ bản đồ số 31 (trong đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) 200m<sup>2</sup> đất ở và 59,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, còn lại là đất hành lang đường điện không được cấp GCNQSD 183,6m<sup>2</sup> đất), được cấp GCNQSD đất ngày 19/6/2006 cho bà Nguyễn Thị H2; bà H2 chuyển nhượng cho ông Vũ Bá Q; Ông Q cho ông Vũ Như B sử dụng đến nay. Trên đất có nhà ở, công trình sinh hoạt và trồng cây.

Năm 2014, thực hiện làm đường khai thác than mỏ không đúng theo quy định về xây dựng và bảo vệ môi trường nên gây sạt lở, sụt lún đất làm hư hại tài sản của một số hộ dân đang sinh sống tại tổ C, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Đỉnh điểm vào khoảng thời gian 25/07/2015 đến 03/8/2015, xảy ra mưa lớn, lượng đất đá dưới chân đồi tích tụ thành khối lượng lớn kết hợp với mưa lũ làm ngập lụt, sạt lở ảnh hưởng đến các hộ dân mà nguyên nhân là do việc khai thác than của Công ty cổ phần T.

Ngày 08/6/2016, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố H đã có Thông báo số 239/TB-UBND về việc thu hồi đất của 28 hộ gia đình thuộc tổ C, khu D, phường H, thành phố H trong đó có nhà đất của hộ ông B.

Ngày 27/3/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5007/QĐ-UBND thu hồi 443,6m<sup>2</sup> đất sạt lở, vị trí nguy hiểm không thể ở, đe dọa tính mạng con người và tài sản của hộ ông, bà Vũ Như B - Vũ Thị Chung A.

Ngày 27/3/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5009/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư đối với 05 hộ, trong đó hộ ông B số tiền 515.993.000đ;

Ngày 12/6/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6340/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư cho 03 hộ dân phường H thuộc diện GPMB dự án: Thu hồi các thửa đất sạt lở, vị trí nguy hiểm không thể ở, đe dọa tính mạng con người và tài sản của 28 hộ gia đình, cá nhân tại phường H, thành phố H có nội dung hộ ông B đủ điều kiện bố trí 01 ô đất tái định cư vào khu TĐC dự án.

Ngày 24/4/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5512/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án chủ đầu tư hỗ trợ ngoài chính sách đối với 02 hộ dân trong đó hộ ông B số tiền 1.021.631.000đ và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 437/QĐCC-UBND cưỡng chế thực hiện Quyết định số 5007/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND thành phố H.

Ngày 06/7/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6872/QĐ-UBND (Được đính chính tại Quyết định số 10474/QĐ-UBND ngày 28/9/2020) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 09 hộ dân trong đó có hộ ông B số tiền 4.320.000đ;

Ngày 19/4/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2347/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho hộ ông B số tiền 44.431.000đ;

Ngày 19/4/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 2346/QĐ-UBND phê duyệt phương án chủ đầu tư hỗ trợ ngoài chính sách đối với hộ ông B số tiền 134.531.000đ.

Ngày 13/02/2020, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung cho hộ ông B số tiền 41.953.000đ.

Ngoài diện tích 443,2m<sup>2</sup> đất bị thu hồi trên thì hộ ông B còn sử dụng 3.751,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 25A/1/GPMB và diện tích 965,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa 53/1/GPMB nhưng không thuộc diện UBND thành phố H ra quyết định thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất nên UBND thành phố H đã có Văn bản số 2173/UBND ngày 28/3/2017 đồng ý để Công ty cổ phần T - Vinacomin tiếp tục bồi thường, hỗ trợ theo hướng thỏa thuận với các hộ dân. Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố H đã lập phương án chủ đầu tư hỗ trợ ngoài chính sách đối với hộ ông B về diện tích đất này có nội dung: Giữa Công ty

cổ phần T - Vinacomin và các hộ dân thỏa thuận, thống nhất hỗ trợ đối với đất trồng cây lâu năm 3.751,7m<sup>2</sup> số tiền 243.860.500đ và diện tích 965,3m<sup>2</sup> số tiền 62.744.500đ và tài sản trên đất thửa 53/1/GPMB là 12.067.203đ, thửa 25A/1/GPMB là 23.045.486đ và hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm là 667.927.200đ (Phương án chủ đầu tư hỗ trợ ngoài chính sách lập đứng tên hộ ông B được UBND thành phố H phê duyệt riêng tại Quyết định số 2346/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 và Quyết định số 5512/QĐ-UBND ngày 24/4/2017).

Không đồng ý với việc thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất, ông B, bà A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 6872/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 09 hộ dân phường H để thực hiện bồi thường, GPMB dự án: Thu hồi các thửa đất sạt lở, vị trí nguy hiểm không để ở, đe dọa tính mạng con người và tài sản của 28 hộ gia đình, cá nhân tại phường H, thành phố H đối với hộ ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, người khởi kiện cung cấp các chứng cứ gồm GCNQSD đất; phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường... và cho rằng việc thu hồi đất của ông B, bà A là không có căn cứ vì đất, nhà không có nguy cơ sụt lún, việc xác định đất sụt lún không có kết luận có giá trị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; việc sạt lở đất nguyên nhân do Công ty cổ phần T khai thác gây ra; việc thu hồi đất bị sạt lở chỉ áp dụng với đất ở mà không được áp dụng với loại đất khác và việc phê duyệt phương án bồi thường không đúng... là trái pháp luật không đúng theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 65 Luật đất đai 2013; khoản 2, 3 Điều 65 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5, 6 Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014.

*Theo quan điểm và bản tự khai của người bị kiện trình bày có nội dung:*

Ngày 19/8/2015, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 165/QĐ-UBND thành lập hội đồng xét duyệt thu hồi đất đối với các thửa đất thuộc khu vực sạt lở, sụt lún, nguy hiểm, đe dọa tính mạng của con người trên địa bàn thành phố H. Ngày 24/12/2015, UBND phố H ban hành Quyết định số 6158/UBND giao cho Phòng Q2 đề xuất phương án di dời 22 hộ dân thuộc tổ C, khu D, phường H. Ngày 05/01/2016, các cơ quan có thẩm quyền gồm Phòng quản lý đô thị; Phòng tài nguyên và môi trường, Trung tâm phát triển quỹ đất và đại diện UBND phường H cùng tổ dân đã lập biên bản hiện trạng vị trí 22 hộ dân thuộc diện di dời (trong đó có hộ ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A).

Ngày 06/01/2016, Phòng quản lý đô thị thành phố Q2 đã có văn bản số 14/QLĐT đề xuất phương án di dời 22 hộ dân phía dưới đường công vụ của Công ty cổ phần T thuộc tổ C khu D, phường H (trong đó có hộ ông B).

Ngày 08/6/2016 UBND thành phố H đã ra Thông báo số 239/TB-UBND về việc thu hồi các thửa đất đối với các hộ và lập phương án đền bù được phê duyệt tại Quyết định số 5009/QĐ-UBND ngày 27/3/2017 của UBND thành phố H và ban hành Quyết định số 5007/QĐ-UBND của UBND thành phố H ngày 27/3/2017 thu hồi đất đối với hộ ông Vũ Như B.

Ngày 12/6/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6340/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án tái định cư cho hộ ông B đủ điều kiện bố trí 01 ô đất tái định cư vào khu TĐC dự án.

Ngày 24/4/2017 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 5512/QĐ-UBND phê duyệt phương án ngoài chính sách và ban hành Quyết định số 437/QĐCC-UBND cưỡng chế thực hiện Quyết định số 5007/QĐ-UBND.

Ngày 06/7/2017 UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6872/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung và ngày 19/4/2019 ban hành Quyết định số 2347/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường bổ sung; Ngày 13/2/2020 ban hành Quyết định số 709/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường bổ sung đối với hộ ông B. Các quyết định hành chính trên đều được ban hành đúng quy định.

Do vậy, UBND thành phố H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đối với diện tích 3.751,7m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa 25A/1/GPMB và diện tích 965,3m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm tại thửa 53/1/GPMB không thuộc diện thu hồi đất theo thông báo thu hồi đất của dự án nên UBND thành phố H không ban hành Quyết định thu hồi đất đối với thửa đất này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Đại diện của UBND phường H trình bày thống nhất với nội dung người bị kiện về việc thu hồi đất, phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ tái định cư và có quan điểm khu vực tổ C, khu D, phường H thường xuyên xảy ra ngập lụt hàng năm, Công ty cổ phần T phải hỗ trợ cho các hộ dân bị ảnh hưởng ngập lụt do bùn đất trôi vào nhà dân nên việc thu hồi là cần thiết.

- Đại diện Công ty cổ phần T trình bày: Thực hiện đề án di dân theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 04/5/2016 về việc phê duyệt đề án di dân tổng thể ra khỏi vùng nguy hiểm sạt lở, ngập lụt gây nguy hiểm và quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến năm 2025 và theo chỉ đạo của Tập đoàn C1 tại Công văn số 5114/KTV-MT ngày 25/10/2016 về việc thực hiện đề án di dân tổng thể tỉnh Quảng Ninh, để bố trí nguồn vốn chi trả cho các hộ dân theo phương án của Trung tâm phát triển quỹ đất lập được UBND thành phố H phê duyệt. Việc Công ty cổ phần T bỏ tiền ra chi trả bồi thường và hỗ trợ cho các hộ dân chỉ là thực hiện theo đề án di dân của tỉnh Quảng Ninh và không có quyền lợi liên quan gì vì diện tích đất của các hộ dân này nằm ngoài ranh giới quản lý của Công ty cổ phần T. Đối với diện tích đất giải phóng mặt bằng tại khu vực tổ C, khu D, phường H là khu vực nằm ngoài cách xa khai trường nên Công ty không sử dụng vào mục đích khai thác, kinh doanh nếu UBND có thẩm quyền giao cho Công ty T quản lý thì Công ty cũng chỉ có dự kiến trồng rừng để bảo vệ môi trường, tạo cảnh quan và ngăn ngừa ngập lụt khu vực suối L. Năm 2015, do mưa lũ hộ ông B và các hộ dân trong khu vực bị ảnh hưởng sạt lở đất nên Công ty cổ phần T đã hỗ trợ cho các hộ dân.

- Bà Nguyễn Thị H2 trình bày: Thửa đất có nhà ở do hộ ông B đang sử dụng được thu hồi có nguồn gốc bà H2 khai phá đã được cấp GCNQSD đất, gia đình bà H2 đã chuyển nhượng cho ông Vũ Bá Q nhưng chưa làm thủ tục sang tên và ông Q đã cho hộ ông B. Hiện nay, Nhà nước thu hồi đất bà H2 không có tranh chấp gì và không có quyền lợi gì liên quan đến nhà đất trên.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2020/HC-ST ngày 10/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã quyết định:*

Căn cứ vào quy định tại Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Như B và bà Vũ Thị Chung A về việc yêu cầu hủy Quyết định số 6872/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 (Được đính chính tại Quyết định số 10474/QĐ-UBND ngày 28/9/2020) của UBND thành phố H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho 09 hộ dân phường H để thực hiện bồi thường, GPMB dự án: Thu hồi các thửa đất sạt lở, vị trí nguy hiểm không để ở, đe dọa tính mạng con người và tài sản của 28 hộ gia đình, cá nhân lại phường H, thành phố H đối với hộ ông, bà Vũ Như B - Vũ Thị Chung A.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/12/2020, người khởi kiện là ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án với lý do bản án sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ tính pháp lý của thửa đất bị thu hồi, của các quyết định thu hồi và phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dẫn đến quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện chưa được đảm bảo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

- Hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 61/2020/HC-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Hủy bỏ toàn bộ nội dung trái pháp luật tại Quyết định số 6872/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND thành phố H.

- Yêu cầu UBND thành phố H lập phương án bồi thường, hỗ trợ, bố trí tái định cư theo đúng quy định của pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại liên quan đến thửa đất bị thu hồi của gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện có đơn xin xét xử vắng mặt; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện có gửi bản luận cứ bảo vệ quyền lợi cho người khởi kiện với nội dung Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh chưa xem xét, đánh giá chính xác, khách quan nguyên nhân dẫn đến sạt lở, sạt lở là do “thiên tai” hay “nhân họa”; toàn bộ diện tích đất bị thu hồi của gia đình ông Vũ Như B phải được xác định là đất ở; UBND thành phố H không bồi thường diện tích 183,6m<sup>2</sup> đất vì cho rằng đất nằm trong hành lang đường sắt, khi cấp GCNQSD đất đã cắt trừ không cấp, không bồi thường, không hỗ trợ là không có căn cứ, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người có đất bị thu hồi; diện tích ô tái định cư của gia đình ông Vũ Như B là quá thấp so với quy định. Theo đó,

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại vụ án theo quy định pháp luật. Người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông B, bà Chung A; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 6872/QĐ-UBND ngày 06/7/2017 của UBND thành phố H (đã được đình chính tại Quyết định số 10474/QĐ-UBND ngày 28/9/2020) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bổ sung là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (theo quy định tại Điều 22 Luật đất đai 2013) bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án đã xem xét đồng thời tính hợp pháp của các Quyết định hành chính có liên quan đến Quyết định hành chính bị kiện gồm: Quyết định số 5007/QĐ-UBND, Quyết định số 5009/QĐ-UBND, Quyết định số 5512/QĐ-UBND, Quyết định số 6340/QĐ-UBND, Quyết định số 437/QĐCC-UBND, Quyết định số 2347/QĐ-UBND, Quyết định số 709/QĐ-UBND và Quyết định số 10474/QĐ-UBND tuy không bị khiếu kiện nhưng là các Quyết định có nội dung liên quan đến Quyết định bị kiện là đúng quy định pháp luật.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, toàn bộ những người tham gia tố tụng đều vắng mặt, tuy nhiên họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc không có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần và đã có quan điểm trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của người khởi kiện, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Hộ gia đình ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A là một trong 28 hộ sinh sống ở vị trí chân đồi (thuộc tổ C khu D, phường H, thành phố H), một bên giáp với suối L.

Sau đợt mưa lũ lịch sử, kéo dài vào năm 2015, làm sạt lở đất, ảnh hưởng đến các hộ dân đang sinh sống tại khu vực. Ngày 19/8/2015, UBND thành phố H

ban hành Quyết định số 165/QĐ-UBND về việc thành lập hội đồng xét duyệt thu hồi đất đối với các thửa đất thuộc khu vực sạt lở, sụt lún, nguy hiểm, đe dọa tính mạng của con người trên địa bàn thành phố H.

UBND thành phố H đã có văn bản giao cho Phòng quản lý đô thị kiểm tra thực địa. Ngày 05/01/2016, các cơ quan có thẩm quyền gồm Phòng quản lý đô thị, Phòng T1, Trung tâm phát triển quỹ đất và đại diện UBND phường H cùng tổ dân phố đã lập biên bản hiện trạng, xác định khu vực này thuộc vị trí chân đồi và giáp với suối L, khi có mưa lớn, nước suối dâng cao kết hợp với nước từ thượng nguồn qua các khe tự thủy đổ xuống khu dân cư phía dưới kéo theo đất bùn có nguy cơ xảy ra lũ quét, sạt lở. Hiện tại, đã có một số hộ bị đất đá sạt từ trên xuống làm hỏng nhà ở, nhiều hộ dân thuộc diện di dời (trong đó có hộ gia đình ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A).

Ngày 06/01/2016, Phòng quản lý đô thị thành phố Q2 đã có văn bản số 14/QLĐT đề xuất phương án di dời 22 hộ dân phía dưới đường công vụ của Công ty cổ phần T thuộc tổ C khu D, phường H (trong đó có hộ ông M), nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản cũng như tạo điều kiện sinh sống tốt hơn cho người dân. Ngày 04/5/2016, UBND tỉnh Q ban hành Quyết định số 1357/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án di dân tổng thể ra khỏi vùng sạt lở, ngập lụt nguy hiểm và quy hoạch bố trí dân cư phòng tránh thiên tai trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Hộ gia đình ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A cũng thừa nhận gia đình bị ảnh hưởng bởi đợt mưa lũ giữa năm 2015 làm sạt lở khối lượng đất đá tích tụ dưới chân đồi.

Do vậy, UBND thành phố H đã thu hồi tổng diện tích 443,2m<sup>2</sup> đất của hộ gia đình ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A đang ở và sử dụng, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho hộ gia đình ông B, bà Chung A, là đúng quy định tại điểm e khoản 1, điểm đ khoản 2 Điều 65 và điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai.

[2.2]. Về diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ:

Ông Vũ Như B và bà Vũ Thị Chung A quản lý, sử dụng diện tích đất 443,2m<sup>2</sup> thuộc thửa số 6 tờ bản đồ số 31 (trong đó được cấp GCNQSD 200m<sup>2</sup> đất ở và 59,6m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, còn lại là đất hành lang đường điện không được cấp GCNQSD 183,6m<sup>2</sup> đất) có nguồn gốc thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H2 khai phá và được cấp GCNQSD đất ngày 19/6/2006; bà H2 sau đó chuyển nhượng cho ông Vũ Bá Q nhưng chưa làm thủ tục sang tên và ông Q đã cho hộ ông B, nhưng khi thu hồi, giải phóng mặt bằng các bên đều thừa nhận đã chuyển nhượng và tặng cho quyền sử dụng đất nêu trên. Trên đất có nhà ở, công trình sinh hoạt và trồng cây.

Phương án bồi thường đã xác định diện tích đất được bồi thường, hỗ trợ đúng diện tích, số lượng tài sản trên đất, loại đất, giá bồi thường và tái định cư là phù hợp khoản 1 Điều 79, khoản 3 Điều 87 Luật đất đai 2013 và Điều 16, Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Riêng Quyết định số 6872/QĐ-

UBND là Quyết định bị người khiếu kiện yêu cầu hủy thì chỉ có nội dung bổ sung phần hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất 01 khẩu Vũ Như B số tiền 4.320.000đ là phù hợp với thực tế và đúng quy định pháp luật.

Đối với diện tích đất ngoài GCNQSD đất đã được cấp nằm trong hành lang đường điện 183,6m<sup>2</sup> (Đường điện có từ những năm 1960 trước khi hộ dân sử dụng đất sau này được nâng cấp lên 35K.V nhưng không rõ thời điểm nâng cấp) đã được UBND thành phố H phê duyệt phương án bồi thường bổ sung để bồi thường, hỗ trợ về đất và tài sản trên đất tại Quyết định số 2347/QĐ-UBND, Quyết định số 709/QĐ-UBND là đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, có thể khẳng định Quyết định số 6872/QĐ-UBND (Được đính chính tại Quyết định số 10474/QĐ-UBND ngày 28/9/2020 của UBND thành phố H) và các Quyết định có liên quan gồm Quyết định số 5007/QĐ-UBND, Quyết định số 5009/QĐ-UBND, Quyết định số 5512/QĐ-UBND, Quyết định số 6340/QĐ-UBND, Quyết định số 2347/QĐ-UBND, Quyết định số 709/QĐ-UBND được ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, thời hạn, thời hiệu ban hành theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 65; khoản 2 Điều 66; khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013; Quyết định cưỡng chế quyết định thu hồi đất số 437/QĐCC-UBND của Chủ tịch UBND thành phố H được ban hành đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 69 Luật đất đai 2013; khoản 2 Điều 65 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; khoản 5, 6 Điều 13 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 và có nội dung đều phù hợp quy định pháp luật.

[4]. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của người khởi kiện. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 61/2020/HC-ST ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Ông Vũ Như B, bà Vũ Thị Chung A mỗi người phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông B, bà C anh mỗi người đã nộp lần lượt theo biên lai thu số 0002321, 0002322 cùng ngày 31/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Phạm Văn Tuyền**